

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2019/LĐ-PT

Ngày 06/8/2019

V/v tranh chấp do đơn phương chấm  
dứt hợp đồng lao động.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Đắc Cường.

*Các Thẩm phán:* Bà Trần Thị Nhàn;

Ông Huỳnh Văn Luật.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:** Ông Trần Văn Bé - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 30 tháng 7 và 06 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án lao động thụ lý số 09/2019/TLPT-LĐ ngày 21/5/2019 về việc “tranh chấp do đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động”.

Do Bản án lao động sơ thẩm số 44/2018/LĐ-ST ngày 18/12/2018 của Tòa án nhân dân thị xã TU, tỉnh Bình Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 09/2019/QĐXXPT-LĐ ngày 20 tháng 6 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Xiong B, sinh năm 1973; số hộ chiếu: G36856395 cấp tại Trung Quốc ngày 04/01/2010; tạm trú địa chỉ: Nguyễn Tri Phương, Phường 8, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh;

- *Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:* Ông Phạm Minh T, sinh năm 1980; địa chỉ: Khu dân cư CN, phường CN, thành phố TDM, tỉnh Bình Dương (theo Giấy ủy quyền ngày 29/3/2016); có mặt.

2. *Bị đơn:* Công ty TNHH CH; địa chỉ: Khu phố MH, phường TH, thị xã TU, tỉnh Bình Dương.

- *Người đại diện hợp pháp của bị đơn:* Bà Trần Thị Th, sinh năm 1995; địa chỉ: Cách Mạng Tháng 8, khu phố 3, phường QT, thành phố BH, tỉnh Đồng Nai (theo Giấy ủy quyền ngày 17/11/2018); có đơn xin giải quyết vắng mặt.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn:* Ông Đỗ Văn V - Luật sư Công ty luật TNHH MTV ĐV; địa chỉ: Cách Mạng Tháng 8, khu phố 3, phường QT, thành phố BH, tỉnh Đồng Nai; có mặt.

### 3. Người kháng cáo:

3.1. Ông Phạm Minh T, sinh năm 1980; địa chỉ: Khu dân cư CN, phường CN, thành phố TDM, tỉnh Bình Dương là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn.

3.2. Công ty TNHH CH; địa chỉ: Khu phố MH, phường TH, thị xã TU, tỉnh Bình Dương là bị đơn trong vụ án.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Theo đơn khởi kiện ngày 01/3/2016; đơn khởi kiện bổ sung ngày 22/6/2016 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Xiong B trình bày: Bà Xiong B vào làm việc tại Công ty TNHH CH (sau đây gọi tắt là Công ty) từ ngày 21/5/2008 và được tiếp tục ký Hợp đồng lao động ngày 01/01/2013; chức vụ: Phó phòng Phát triển vật tư xưởng CH với mức lương 1.577 USD/tháng, tương đương 33.000.000 đồng Việt Nam. Theo chế độ nghỉ phép của Công ty thì bà Xiong B được hưởng 03 kỳ nghỉ phép, mỗi kỳ 10 ngày và Công ty có nghĩa vụ mua vé máy bay khứ hồi, có xe đưa đón bà Xiong B đến Sân bay. Bà Xiong B đăng ký kỳ nghỉ phép thứ 3 của năm 2015 từ ngày 30/10/2015 đến 10/11/2015, được Ban quản lý Công ty chấp thuận đặt vé máy bay khứ hồi. Trước khi nghỉ phép, bà Xiong B đã bàn giao công việc cho các bộ phận liên quan, được Trưởng phòng Vật tư xác nhận qua email. Tuy nhiên, sáng ngày 30/10/2015 bà Xiong B chuẩn bị đến Sân bay để khởi hành về Trung Quốc theo vé máy bay đặt trước là lúc 11 giờ 55 phút ngày 30/10/2015 thì được biết Công ty đã hủy vé máy bay và hoãn kỳ nghỉ phép của bà Xiong B vô thời hạn. Do Công ty thay đổi kỳ nghỉ phép đột xuất, không báo trước, không có lý do nên bà Xiong B không thể thay đổi kỳ nghỉ phép và phải tự mua vé máy bay về Trung Quốc.

Ngày 06/11/2015, bộ phận nhân sự của Công ty thông báo cho bà Xiong B nghỉ việc với lý do tự ý nghỉ việc không báo trước. Ngày 09/11/2015, Công ty thông báo đến các đối tác của Công ty về việc xử lý kỷ luật bà Xiong B do tự ý nghỉ việc vi phạm Nội quy lao động của Công ty. Ngày 11/11/2015, sau khi hết hạn nghỉ phép bà Xiong B đến Công ty tiếp tục làm việc thì Công ty không đồng ý và yêu cầu Bảo vệ mời bà Xiong B rời khỏi Công ty.

Việc Công ty đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động với bà Xiong B được người đại diện theo ủy quyền của Công ty thừa nhận, sự thừa nhận này phù hợp với chứng cứ do bà Xiong B cung cấp khi nộp đơn khởi kiện. Công ty đã phát hành các văn bản gửi đến Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Phòng Quản lý Xuất nhập cảnh là bà Xiong B nghỉ việc từ ngày 05/11/2015. Ngày 05/11/2015 là ngày bà Xiong B đã nghỉ liên tiếp 05 ngày trong tháng theo quy định của Nội quy lao động và Luật Lao động nên Công ty đã xử lý kỷ luật đối với bà Xiong B. Ngoài ra, ngày 12 và 13 tháng 11 năm 2015, bà Xiong B đến Công ty làm việc nhưng Công ty không cho vào phòng làm việc. Khi bà Xiong B muốn vào phòng lấy đồ dùng cá nhân thì phải có ông Huang Tzu Ming dẫn vào. Việc Công ty thay đổi lời khai cho rằng: Bà Xiong B tự ý nghỉ việc là không đúng. Nhận thấy, việc làm của Công ty là đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật nên bà Xiong B khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Công ty phải bồi thường các khoản sau:

- Tiền lương trong những ngày không được làm việc kể từ ngày 12/11/2015 đến ngày 11/6/2017 là 19 tháng x 33.000.000 đồng/tháng = 627.000.000 đồng;

- Bồi thường 05 tháng tiền lương do đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật là 165.000.000 đồng;

- Thanh toán tiền trợ cấp thôi việc từ năm 2008 đến 2017 là 08 năm, mỗi năm ½ tháng tiền lương là 132.000.000 đồng;

- Thanh toán tiền vé máy bay khứ hồi từ thành phố Hồ Chí Minh (Việt Nam) đến Bạch Vân (Quảng Châu, Trung Quốc) cho kỳ nghỉ phép từ ngày 30/10/2015 đến 10/11/2015 với số tiền 11.154.000 đồng;

- Bồi thường 05 tháng tiền lương để chấm dứt hợp đồng lao động là 165.000.000 đồng;

- Thanh toán tiền lương còn nợ tháng 10 năm 2015 là 33.000.000 đồng;

- Thanh toán tiền lãi do chậm trả lương tháng 10 năm 2015 với mức lãi suất 1%/tháng x 19 tháng = 6.270.000 đồng;

- Thanh toán tiền nghỉ phép 06 ngày của năm 2015 là 11.250.000 đồng;

- Thanh toán 02 tháng tiền lương do vi phạm thời gian báo trước là 66.000.000 đồng.

Tổng cộng là: 1.147.039.384 đồng.

*\* Trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của bị đơn Công ty TNHH CH (sau đây gọi tắt là Công ty) trình bày:*

Bà Xiong B vào làm việc cho Công ty từ năm 2008, hai bên có ký kết hợp đồng lao động. Cuối năm 2015, bà Xiong B có đăng ký nghỉ phép từ ngày 30/10/2015 đến ngày 10/11/2015. Do công việc bà Xiong B đảm nhận mang tính đặc thù và không thể thay thế nên Công ty đã yêu cầu bà Xiong B trước lúc nghỉ phép phải hoàn thành công việc, nhưng bà Xiong B chưa hoàn thành nên ngày 29/10/2015, Công ty gửi thư điện tử cho bà Xiong B thông báo không đồng ý phê duyệt cho bà Xiong B nghỉ phép, hủy vé máy bay và thông báo dời lịch nghỉ sang thời gian khác. Mặc dù, bà Xiong B đã nhận được thông báo của Công ty, nhưng bà Xiong B vẫn tự ý nghỉ việc và mua vé máy bay về nước.

Hành vi của bà Xiong B là vi phạm Nội quy lao động, gây thiệt hại cho Công ty. Theo quy định của Công ty, bà Xiong B muốn nghỉ phép phải đăng ký trước để Công ty xem xét có đồng ý hay không. Bà Xiong B chỉ mới đăng ký nghỉ phép, chưa được sự đồng ý của Công ty nhưng tự ý nghỉ. Việc Công ty đặt mua vé máy bay không đồng nghĩa với việc Công ty đồng ý cho bà Xiong B nghỉ phép. Bà Xiong B đăng ký lịch nghỉ phép từ ngày 30/10/2015 đến ngày 10/11/2015, theo như điều kiện thỏa thuận trước thì bà Xiong B phải bàn giao xong công việc trước kỳ nghỉ phép. Theo hợp đồng lao động thì người lao động làm việc 06 tháng được nghỉ phép 14 ngày. Như vậy, một năm người lao động chỉ được nghỉ phép tối đa 02 lần. Trong năm 2015, bà Xiong B đã nghỉ phép 02 lần; lần thứ 3 bà Xiong B đăng ký nghỉ phép từ ngày 30/10/2015 đến 10/11/2015 là không nằm trong chu kỳ nghỉ phép và trái với quy định về nghỉ phép trong Nội quy lao động. Hành vi tự ý nghỉ phép của bà Xiong B là vi phạm Nội quy lao động nên Công ty đã ban hành quyết định xử lý kỷ luật đối với bà Xiong B.

Sau đó, người đại diện hợp pháp của Công ty thay đổi lời khai, xác định: Do hiểu nhầm khi phiên dịch nên người đại diện theo ủy quyền của Công ty cho rằng: Công ty có xử lý kỷ luật lao động đối với bà Xiong B là không đúng. Hành vi của bà Xiong B là vi phạm kỷ luật lao động, thuộc trường hợp xử lý kỷ luật sa thải nhưng Công ty không ban hành quyết định xử lý kỷ luật đối với bà Xiong B. Công ty không đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động với bà Xiong B mà do bà Xiong B tự ý bỏ

việc. Do bà Xiong B không còn tạm trú tại Công ty nên Công ty ra thông báo về việc bà Xiong B tự ý bỏ việc đến các cơ quan ban ngành có liên quan. Chứng cứ mà bà Xiong B cung cấp là thư điện tử ngày 06/11/2015, không phải do Công ty gửi cho bà Xiong B và nội dung thư không đúng. Công ty không xử lý kỷ luật theo hình thức sa thải đối với bà Xiong B và không đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động nên Công ty không đồng ý bồi thường theo yêu cầu khởi kiện của bà Xiong B. Do bà Xiong B đã có thời gian làm việc tại Công ty nhiều năm nên Công ty đồng ý trả tiền trợ cấp thôi việc 08 năm theo quy định pháp luật, trả tiền lương tháng 10 năm 2015 còn nợ và tiền 06 ngày nghỉ phép còn lại của năm 2015 theo mức lương đã thỏa thuận trong hợp đồng lao động là 6.120 nhân dân tệ. Việc nguyên đơn cho rằng mức lương mỗi tháng của bà Xiong B là 1.577 USD tương đương 33.000.000 đồng/tháng là không đúng. Theo hợp đồng lao động mức lương của bà Xiong B là 6.120 nhân dân tệ, Công ty trả lương cho bà Xiong B được quy đổi thành USD.

*\* Tại bản tự khai ngày 15/6/2017, người làm chứng bà Wang Chia Kun – Phó quản lý bộ phận Tổng vụ, xác định:* Tôi là người chịu trách nhiệm sắp xếp phòng ở cho các chuyên gia tại ký túc xá. Bà Xiong B làm việc tại Công ty từ năm 2008 và giữ chức vụ Phó quản lý như tôi. Khoảng đầu tháng 11/2015, tôi nhận được thông tin từ Phòng Nhân sự về việc bà Xiong B tự ý bỏ việc nhưng không biết lý do thế nào. Ngày 12/11/2015, bà Xiong B đến Công ty và ở trong ký túc xá, đến nhà ăn bình thường, tôi không hề ngăn cản. Tôi không nhận được mệnh lệnh từ Ban Giám đốc về việc sa thải hay cho bà Xiong B nghỉ việc. Khi nghe bà Xiong B thu dọn đồ đạc rời khỏi ký túc xá, tôi có hỏi thăm nhưng bà Xiong B vẫn quyết định rời khỏi. Bà Xiong B cho rằng tôi không cho bà Xiong B ở ký túc xá là không đúng.

*\* Tại Văn bản xác nhận ngày 09/02/2017, người làm chứng bà Lin Li Chun – Trưởng phòng Nhân sự, xác định:* Bà Xiong B là Phó phòng Quản lý phát triển vật tư của Công ty. Tháng 10/2015, bà Xiong B đăng ký lịch nghỉ phép lần 3 của mình trong năm 2015 từ 30/10/2015 đến 10/11/2015 là 12 ngày. Khi người lao động nước ngoài nghỉ phép về nước thì Phòng Nhân sự sẽ hỗ trợ trong việc đặt vé máy bay cho họ. Cho nên khi nhận được email xin nghỉ phép của bà Xiong B, Phòng Nhân sự tiến hành đặt vé cho bà Xiong B như thường lệ. Đến ngày 29/10/2015, Phòng Nhân sự nhận được email của Trưởng phòng Quản lý vật tư thông báo trì hoãn kỳ nghỉ phép của bà Xiong B như sau: “Do chủ quản đơn vị thu mua Phòng khai thác cô Tracy Xiong, trước khi nghỉ phép chưa hoàn thành công việc. Dự kiến nghỉ phép từ ngày 30/10 đến 10/11 cần phải trì hoãn, không thể nghỉ phép theo lịch trình đã sắp xếp. Đề nghị nhân sự hủy bỏ điều xe buổi sáng ngày mai. Thời gian nghỉ phép chính xác chờ thông báo” nên Phòng Nhân sự hủy xe và hủy vé máy bay đã đặt. Ngày 30/10/2015, bà Xiong B không đến Công ty làm việc và không thông báo cho Công ty, Công ty có liên lạc điện thoại nhưng bà Xiong B không mở máy. Đến ngày 06/11/2015, vẫn không thấy bà Xiong B quay lại Công ty làm việc. Do tính chất đặc thù của công việc nên chủ quản Phòng Quản lý phát triển vật tư điều động nhân sự khác thay thế bà Xiong B để thực hiện công việc dang dở. Tôi khẳng định chỉ báo cho quản lý phòng ban về việc bà Xiong B tự ý bỏ việc và đề xuất nhân sự thay thế bà Xiong B chứ không đề xuất lãnh đạo Công ty sa thải bà Xiong B. Hiện nay, Phòng Nhân sự vẫn chưa nhận được thông báo hay quyết định của lãnh đạo Công ty về việc sa thải bà Xiong B và muốn gặp bà Xiong B để xem bà có tiếp tục làm việc tại Công ty hay không? (bút lục 308-309, 290-291).

*\* Người làm chứng bà Chou Chen Ju - Chủ quản bộ phận đặt hàng của Công ty, xác nhận:* Bà Xiong B làm việc tại Công ty từ năm 2008, tôi là chủ quản của bà

Xiong B. Tôi biết thời gian xin nghỉ phép của bà Xiong B, tôi kiểm tra thấy công việc do bà Xiong B đảm nhận chưa xong nên tôi yêu cầu bà Xiong B phải hoàn thành trước khi nghỉ phép. Tôi có nói chuyện và gửi email cho bà Xiong B nhưng bà Xiong B không hoàn thành công việc. Cho nên, lúc 10 giờ 30 phút ngày 29/10/2015, tôi gửi email cho cô Cindy Phòng Nhân sự, đồng thời gửi cho cô Tracy (bà Xiong B) về việc hoãn kỳ nghỉ phép của bà Xiong B. Sáng ngày 30/10/2015, tôi vào phòng làm việc thì không thấy bà Xiong B ở bàn làm việc nên liên lạc điện thoại với bà Xiong B nhưng không được, tôi báo ngay về Phòng Hành chính. Email bà Xiong B cung cấp cho Tòa án tôi không biết, nội dung email tôi không gửi vì tôi không có thẩm quyền. Khi ông Huang Tzu Ming dẫn bà Xiong B đến bàn làm việc để lấy vật dụng cá nhân, tôi có nhìn thấy và không thấy ai ngăn cản không cho bà Xiong B vào làm việc.

*\* Người làm chứng bà Nguyễn Thị Ngọc H - Chủ tịch Công đoàn Công ty, xác định:* Các chuyên gia nước ngoài, trong đó có bà Xiong B không tham gia tổ chức công đoàn. Việc bà Xiong B xin nghỉ phép hay bỏ việc tôi không biết. Đến khi bà Xiong B nhờ Luật sư gửi văn bản đến Công ty về việc Công ty chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật thì tôi mới biết. Tôi hỏi Ban Lãnh đạo Công ty thì được biết Công ty không chấm dứt hợp đồng mà do bà Xiong B tự ý bỏ việc. Tôi cũng không liên hệ với bà Xiong B vì Ban Lãnh đạo nói đang liên lạc mời bà Xiong B quay lại Công ty làm việc. Vì Công ty nghĩ bà Xiong B sẽ quay lại làm việc nên không mời tôi họp và cũng không tổ chức họp Hội đồng xử lý việc bà Xiong B nghỉ việc.

*\* Người làm chứng ông Huỳnh Văn P - Đội trưởng Đội bảo vệ Công ty, xác định:* Bà Xiong B làm việc tại Công ty nên có thẻ nhân viên. Từ ngày 30/10/2015 thì bà Xiong B không vào Công ty làm việc, đến ngày 11 và 12/11/2015 thì tôi có nhìn thấy bà Xiong B ở Công ty, việc Công ty có mời bà Xiong B ra khỏi Công ty hay không thì tôi không biết. Bảo vệ Công ty không nhận được bất kỳ thông báo nào của Lãnh đạo Công ty về việc ngăn cản không cho bà Xiong B vào làm việc. Việc bà Xiong B cho rằng Bảo vệ Công ty ngăn cản không cho bà Xiong B vào làm việc là không đúng (bút lục 318, 288-289).

*\* Người làm chứng ông Huang Tzu Ming - Giám đốc Hành chính, xác định:* Tôi được ông CHEN, WEI - CHIA ủy quyền giải quyết các công việc hành chính trong Công ty. Bà Xiong B làm việc tại Công ty từ năm 2008 và có tên tiếng Anh là Tracy. Việc bà Xiong B xin nghỉ phép về nước, tôi trình bày như sau: Trước ngày bà Xiong B nghỉ phép 02 ngày (tức ngày 28/10/2015) chủ quản yêu cầu phải hoàn thành xong công việc mới được nghỉ phép. Đến 17 giờ 30 ngày 29/10/2015, bà Xiong B đến phòng gặp tôi để nhờ giúp đỡ, do hết giờ làm việc và không tăng ca nên tôi hứa với bà Xiong B sẽ nói chuyện với chủ quản vào sáng ngày 30/10/2015, nhưng sáng ngày 30/10/2015 tôi đến Công ty làm việc thì nghe chủ quản báo không thấy bà Xiong B ở phòng làm việc. Tôi hỏi Bảo vệ thì Bảo vệ trả lời bà Xiong B rời khỏi Công ty tối ngày 29/10/2015 bằng công nhà xe của công nhân. Những chuyên gia làm cùng bà Xiong B và tôi liên lạc điện thoại với bà Xiong B nhưng không được. Khoảng 04 đến 05 ngày sau thì tôi nhận được tin nhắn của bà Xiong B là đã về tới Trung Quốc. Ngày 11/11/2015, bà Xiong B vào Công ty đến gặp tôi, tôi có nói “*sao lại đột nhiên im lặng biến mất vậy? giờ đến Công ty tiếp tục làm việc chứ hay có ý muốn nào khác? bà Xiong B nói là khó có thể tiếp tục làm việc*”. Vì thế, tôi báo bà Xiong B qua Phòng Nhân sự làm thủ tục thôi việc, bà Xiong B qua Phòng Nhân sự gặp bà Lin Li Chun giải thích và yêu cầu ký giấy tờ hoàn tất thủ tục thôi việc, nhưng bà Xiong B không ký. Bà Xiong B trở lại gặp tôi và nói muốn qua phòng làm việc của bà Xiong B để lấy một số

giấy tờ và vật dụng cá nhân. Tôi đi chung với bà Xiong B đến phòng làm việc, có nhiều người nhìn thấy. Từ ngày 11/11/2015, bà Xiong B không trở lại Công ty làm việc. Công ty có trình công văn đến Phòng Quản lý Xuất nhập cảnh tỉnh Bình Dương và Sở Lao động - Thương binh - Xã hội tỉnh Bình Dương để biết việc tạm trú, tạm vắng của người nước ngoài tại Công ty. Công ty chỉ sử dụng mạng nội bộ với địa chỉ @chihung.com.vn, ngoài ra Công ty không có địa chỉ nào khác. Sau khi bà Xiong B nghỉ khoảng một tháng, bà Xiong B có gọi cho tôi, tôi giải thích yêu cầu bà Xiong B quay lại Công ty làm việc nhưng bà Xiong B không đồng ý và nói sẽ khởi kiện. Khoảng tháng 3 năm 2016, Lãnh sự quán Trung Quốc có mời tôi và bà Xiong B đến hỏi chuyện, tiếp chuyện là bà Wu Wen Jie – Phó Lãnh sự, số điện thoại 0916769872. Lãnh sự quán cũng thấy rõ tôi có thiện chí muốn hòa giải, yêu cầu bà Xiong B quay trở lại làm việc nhưng bà Xiong B không chấp nhận.

\* Người làm chứng bà Thân Vũ Thùy D - Nhân viên Phòng Vật tư của Công ty TNHH CH từ tháng 9/2009 đến tháng 9/2016 trình bày: Bà D làm cùng bộ phận với bà Xiong B. Theo quy định nội bộ của Công ty thì chính sách nghỉ phép cho quản lý người nước ngoài có thâm niên 05 năm trở lên mỗi năm được nghỉ phép 03 kỳ, mỗi kỳ 12 ngày. Tháng 10/2015, bà Xiong B đăng ký nghỉ phép kỳ 3 từ ngày 30/10/2015 đến 10/11/2015. Tôi biết kỳ nghỉ phép của bà Xiong B vì tại cuộc họp báo cáo tiến độ công việc có mặt quản lý, chủ quản, tôi có tham gia. Tại cuộc họp bà Xiong B đã thông báo lịch nghỉ phép, tiến độ công việc và việc bàn giao công việc khi nghỉ phép thì chủ quản và quản lý không có ý kiến phản đối. Đến khoảng đầu tháng 11/2015, tôi chứng kiến bảo vệ không cho bà Xiong B vào Công ty làm việc do sa thải vì nghỉ không phép. Bà Xiong B có nhờ tôi thu dọn hồ sơ và đồ dùng tại bàn làm việc, tôi đồng ý nhưng khi đến bàn làm việc thì chỉ còn giấy trắng nên tôi báo cho bà Xiong B. Khoảng 02 ngày sau, tôi nhìn thấy bà Xiong B đến bàn làm việc để thu dọn đồ dùng cá nhân và hồ sơ dưới sự giám sát của Chủ quản Nhân sự cấp cao ông Michael Huang, sau đó tôi không gặp bà Xiong B nữa. Đến tháng 02 năm 2017, bà Xiong B đề nghị tôi trình bày lại nội dung vụ việc (bút lục 278, 323-324).

Tại Bản án số 44/2018/LĐ-ST ngày 18/12/2018 của Tòa án nhân dân thị xã TU, tỉnh Bình Dương đã căn cứ các Điều 33, 35, 39, 147, 161, 273, 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự; căn cứ các Điều 42, 90, 96, 123, 128 của Bộ luật Lao động và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Xiong B đối với Công ty TNHH CH về việc “*tranh chấp về trường hợp đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động*”.

2. Buộc Công ty TNHH CH phải bồi thường cho bà Xiong B các khoản sau: Tiền lương trong những ngày không được làm việc từ ngày 05/11/2015 đến ngày 11/6/2017 là 404.073.000 đồng; bồi thường 02 tháng tiền lương theo hợp đồng lao động do đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động là 42.534.000 đồng; thanh toán tiền trợ cấp thôi việc 08 năm, mỗi năm ½ tháng lương là 85.068.000 đồng; bồi thường 02 tháng lương theo hợp đồng lao động do vi phạm thời gian báo trước là 42.534.000 đồng; tiền nghỉ phép của 06 ngày năm 2015 là 4.907.766 đồng; tiền lương tháng 10 năm 2015 là 21.267.000 đồng; tiền lãi chậm thanh toán tiền lương là 2.303.000 đồng. Tổng cộng: 602.686.766 đồng.

3. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Xiong B đối với các yêu cầu sau: Thanh toán tiền vé máy bay khứ hồi là 11.154.000 đồng và bồi thường 05 tháng tiền lương để thỏa thuận chấm dứt hợp đồng lao động.

4. Đình chỉ giải quyết đối với các yêu cầu khởi kiện sau: Buộc Công ty TNHH CH thanh toán tiền bảo hiểm y tế từ ngày 05/11/2015 đến ngày 05/01/2016 là 8.800.000 đồng; bồi thường thiệt hại do tổn thất về tinh thần, danh dự, uy tín bị xâm phạm số tiền 99.000.000 đồng; thanh toán tiền lương tăng ca trong 08 năm với số tiền 1.820.880.000 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về phần chi phí giám định, án phí lao động sơ thẩm và quyền kháng cáo cho các bên đương sự.

Ngày 28/12/2018, người đại diện hợp pháp của Công ty TNHH CH có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo, sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ngày 03/01/2019, ông Phạm Minh T là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn bà Xiong B có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo, sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn theo mức lương thực lãnh 1.577 USD/tháng, tương ứng 33.000.000 đồng/tháng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo của mình; người đại diện hợp pháp của bị đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo; các đương sự không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ mới và không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn có ý kiến: Việc nguyên đơn kháng cáo cho rằng mức lương thực lãnh của bà Xiong B 1.577 USD/tháng là không có căn cứ. Về kháng cáo của bị đơn, nhận thấy: Công ty đặt vé máy bay không đồng nghĩa với việc Công ty cho bà Xiong B nghỉ phép khi chưa bàn giao xong công việc; Công ty không xử lý kỷ luật lao động đối với bà Xiong B nên không ban hành bất kỳ quyết định xử lý kỷ luật lao động nào; chứng cứ thể hiện là lời khai của bà Nguyễn Thị Ngọc H – Chủ tịch Công đoàn. Việc bà Xiong B tự ý nghỉ phép là vi phạm Nội quy lao động, nhưng Công ty không lập biên bản vì mong muốn bà Xiong B quay trở lại Công ty làm việc; nội dung các email mà nguyên đơn xuất trình không có nội dung nào thể hiện ý chí của ông CHEN, WEI – CHIA về việc sa thải bà Xiong B, Bảo vệ Công ty cũng không ngăn cản bà Xiong B vào Công ty làm việc, chứng cứ thể hiện là bà Xiong B vẫn đang giữ thẻ từ để ra vào cổng Công ty. Do đó, Công ty không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Xiong B. Do bà Xiong B có thời gian dài làm việc cho Công ty, nên Công ty đồng ý trả cho bà Xiong B các khoản: Tiền trợ cấp thôi việc 08 năm, mỗi năm là ½ tháng lương; trả tiền 06 ngày nghỉ phép còn lại của năm 2015; trả tiền lương tháng 10 năm 2015 còn nợ là 21.267.000 đồng + tiền lãi do chậm trả lương tháng 10 năm 2015 theo quy định.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án, những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về hướng giải quyết vụ án: Nguyên đơn kháng cáo yêu cầu xác định mức lương thực lãnh của bà Xiong B 1.577

USD/tháng là không có căn cứ. Theo lời khai ban đầu của bị đơn, xác định: Bị đơn không đồng ý cho nguyên đơn nghỉ phép khi chưa bàn giao xong công việc, nhưng nguyên đơn vẫn tự ý nghỉ phép là vi phạm Nội quy lao động nên bị đơn đã xử lý kỷ luật lao động đối với nguyên đơn. Tuy nhiên, sau đó bị đơn thay đổi lời khai xác định không xử lý kỷ luật lao động đối với nguyên đơn là không có căn cứ. Bản án sơ thẩm xác định bị đơn đã đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật là có căn cứ; tuy nhiên, bản án sơ thẩm buộc bị đơn phải bồi thường cho nguyên đơn 02 tháng tiền lương do vi phạm thời gian báo trước là không có căn cứ. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn, sửa bản án sơ thẩm về phần bồi thường do vi phạm thời gian báo trước là 30 ngày.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; trên cơ sở ý kiến trình bày tranh tụng của các bên đương sự và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương về việc giải quyết vụ án;

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án lao động về việc “*tranh chấp do đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động*”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã TU theo quy định tại khoản 1 Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét đơn kháng cáo của phía nguyên đơn và của bị đơn được làm trong thời hạn luật định, người kháng cáo đã thực hiện xong nghĩa vụ nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nên hợp lệ.

[3] Về nội dung: Bà Xiong B vào làm việc tại Công ty TNHH CH (sau đây gọi tắt là Công ty) từ ngày 21/5/2008, theo Hợp đồng lao động ngày 21/5/2008 và Hợp đồng lao động ngày 01/01/2013 giữa Công ty TNHH CH do người đại diện theo pháp luật ông CHEN, WEI – CHIA, chức vụ: Tổng Giám đốc ký kết với bà Xiong B (bút lục 29-34). Từ ngày 30/10/2015 đến nay, bà Xiong B không làm việc tại Công ty. Theo bà Xiong B thì Công ty đã “*đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động*”, yêu cầu Bảo vệ ngăn cản không cho bà Xiong B vào Công ty làm việc. Chứng cứ mà bà Xiong B xuất trình là các email bằng ngôn ngữ Trung Quốc, nhưng Công ty không thừa nhận và cho rằng: Bà Xiong B tự ý bỏ việc, Công ty không đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động, không xử lý kỷ luật và không ngăn cản bà Xiong B vào Công ty làm việc. Do đó, Công ty không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Xiong B. Chứng cứ mà Công ty cung cấp lời khai của một số người làm chứng là các chuyên gia nước ngoài.

[4] Nhận thấy, theo quy định tại khoản 3 Điều 47 của Luật Công chứng quy định “*Trường hợp người yêu cầu công chứng không thông thạo tiếng Việt thì họ phải có người phiên dịch. Người phiên dịch phải là người từ đủ 18 tuổi trở lên, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, thông thạo tiếng Việt và ngôn ngữ mà người yêu cầu công chứng sử dụng. Người phiên dịch do người yêu cầu công chứng mời và phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc phiên dịch của mình*”. Khoản 1 Điều 48 của Luật Công chứng cũng quy định việc “*Ký, điểm chỉ trong văn bản công chứng*” như sau: “*Người yêu cầu công chứng, người làm chứng, người phiên dịch phải ký vào hợp đồng, giao dịch trước mặt công chứng viên*”. Trong vụ án này, những người làm chứng gồm: ông Wang Chia Kun, bà Lin Li Chun, bà Chou Chen Ju, ông Huang Tzu Ming là những người Đài Loan - Trung Quốc không biết tiếng Việt, có “*Đơn xin giải quyết vắng mặt*” bằng tiếng Việt (bút lục 351, 378, 393-398), ông Wang Chia Kun có “*Bản tự khai*” bằng tiếng Việt (bút lục 379-381), không có người phiên dịch ký xác nhận,



nhưng Công chứng viên vẫn chứng thực là vi phạm quy định tại khoản 3 Điều 47, khoản 1 Điều 48 của Luật Công chứng. Bên cạnh đó, bà Lin Li Chun có “*Văn bản xác nhận*” bằng tiếng Việt, không có người phiên dịch ký xác nhận (bút lục 308-309) nên các văn bản này không có giá trị pháp lý để xem xét.

[5] Quá trình khởi kiện, bà Xiong B cung cấp các email bằng ngôn ngữ Trung Quốc để chứng minh, nhưng không cung cấp password để truy cập, tại Kết luận giám định số 1547/C54B ngày 10/5/2018 của Viện Khoa học Hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh xác định: “*Không trích xuất được về nội dung, không đủ cơ sở kết luận xác thực về nội dung của thư điện tử gửi giám định: accout.xiongB@hotmail.com do địa chỉ thư điện tử: allice@chihung.com.vn gửi vào ngày 05/12/2015; không trích xuất được nội dung các thư điện tử vào ngày 29/10/2015 đến ngày 05/12/2015 của tài khoản địa chỉ thư điện tử: tracy@chihung.com.vn*” nên không tiến hành giám định (bút lục 450). Vì vậy, các email trên không có giá trị pháp lý để xem xét. Đồng thời, qua xem xét nội dung các email do nguyên đơn và bị đơn tự yêu cầu dịch từ tiếng Đài Loan - Trung Quốc sang tiếng Việt Nam để cung cấp cho Tòa án, nhận thấy: Các email trên xuất phát từ người gửi là cindy.lin@chihung.com.vn (tức bà Lin Li Chun) đến người nhận: alinmanager@chihung.com.vn với nội dung “*Phòng phát triển vật liệu Công ty CH: phó lý XIONG B bỏ việc không lý do, căn cứ điều 6 biện pháp quản lý thưởng phạt tiến hành xử phạt, hình thức xử phạt: sa thải. Ngày bắt đầu hiệu lực: Ngày 5 tháng 11 năm 2015*”; email ngày 06/11/2015 với chủ đề điều động công tác với nội dung “*chức vụ: Phó lý phòng phát triển vật liệu Công ty CH; họ và tên: XIONG B; nguyên nhân thưởng phạt: Căn cứ quy định 3 mục 4 điều 6 của biện pháp quản lý thưởng phạt người nghỉ không phép; loại hình thưởng phạt: sa thải; ngày hiệu lực: Ngày 05 tháng 11 năm 2015*” và email từ người gửi là christine.chou@chihung.com.vn (tức bà Chou Chen Ju) với nội dung “*Tôi là Christine thuộc trung tâm kho thu mua SPG. Do phó lý bộ phận thu mua cô Xiong (Tracy) vắng mặt mà không xin phép chính thức. Từ nay cô Kuo (Vicky) sẽ phụ trách bộ phận thu mua phòng khai phát và thông tin liên lạc của cô như sau, địa chỉ email: Vicky.kuo@chihung.com.vn, số di động: 0901-601-287*”. Các email trên không có email nào có nội dung thể hiện ý chí của ông CHEN, WEI - CHIA là người đại diện theo pháp luật của Công ty về việc “*sa thải*” bà Xiong B.

[6] Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thừa nhận: Bà Xiong B vẫn đang giữ thẻ từ để ra vào cổng Công ty; sau khi nghỉ phép, ngày 11/11/2015 bà Xiong B quay lại Công ty, ở trong ký túc xá của Công ty (ký túc xá nằm trong khuôn viên của Công ty) đến ngày 13/11/2015 bà Xiong B mới rời khỏi Công ty. Lời thừa nhận này là hoàn toàn phù hợp với lời khai của ông Huỳnh Văn P – Đội trưởng Đội bảo vệ và bà Wang Chia Kun – Phó quản lý bộ phận Tổng vụ, cho thấy không có việc bảo vệ ngăn cản không cho bà Xiong B vào Công ty. Việc người làm chứng bà Thân Vũ Thùy D - Nhân viên Phòng Vật tư giai đoạn từ tháng 9/2009 đến tháng 9/2016 cho rằng: “*Khoảng đầu tháng 11/2015, tôi chứng kiến bảo vệ không cho bà Xiong B vào làm việc do sa thải vì nghỉ không phép*” là không có căn cứ, bởi lẽ chính bà D cũng xác định “*Khoảng hai ngày sau, tôi nhìn thấy bà Xiong B đến bàn làm việc để thu dọn đồ dùng cá nhân và hồ sơ*”. Như vậy, có căn cứ xác định: Do bà Xiong B chưa bàn giao xong công việc trước khi nghỉ phép, nên ngày 29/10/2015 cấp trên của bà Xiong B (tức bà Chou Chen Ju) gửi email thông báo cho bà Xiong B hoãn kỳ nghỉ phép, nhưng bà Xiong B vẫn tự ý nghỉ phép từ ngày 30/10/2015 đến ngày 10/11/2015 là vi phạm quy định tại điểm 1.5 của Nội quy lao động (bút lục 124). Tuy nhiên, Công ty vẫn chưa tiến hành xử lý kỷ luật lao động đối với bà Xiong B; chứng

cứ thể hiện là lời khai của bà Nguyễn Thị Ngọc H – Chủ tịch Công đoàn và Văn bản ngày 13/01/2016 do Công ty Luật TNHH HL (là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn) gửi cho Văn phòng Luật sư HH & Cộng sự (là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn) trước thời điểm nguyên đơn khởi kiện (bút lục 75); việc người đại diện theo ủy quyền lúc đầu của bị đơn ông Đậu Đức N có Bản tự khai ngày 15/6/2016 cho rằng: “*Công ty CH đã xử lý kỷ luật lao động là sa thải*” đối với bà Xiong B là không có cơ sở. Do đó, việc nguyên đơn cho rằng: Công ty ra thông báo sa thải đối với bà Xiong B kể từ ngày 05/11/2015 và Bảo vệ ngăn cản không cho bà Xiong B vào Công ty làm việc là không có căn cứ. Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn cũng đã xác định: Sau khi xảy ra tranh chấp, Đại sứ quán Trung Quốc tại Việt Nam có mời hai bên đương sự đến để làm việc như lời ông Huang Tzu Ming trình bày, nhưng bà Xiong B không chấp nhận nên khởi kiện.

[7] Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn còn cho rằng: Theo Văn bản số 031/CH ngày 30/11/2015 của Công ty gửi cho Phòng Quản lý Xuất nhập cảnh tỉnh Bình Dương đã xác định việc Công ty sa thải bà Xiong B. Qua kiểm tra Văn bản số 031/CH ngày 30/11/2015 của Công ty, nhận thấy: Nội dung văn bản thể hiện việc Công ty thông báo “*trường hợp người lao động nước ngoài không còn làm việc tại Công ty*” cho Phòng Quản lý Xuất nhập cảnh tỉnh Bình Dương, tại mục “*ngày thôi việc/bỏ việc*” thể hiện bà Xiong B “*Tự ý bỏ việc 05/11/2015*”, không có nội dung nào thể hiện việc Công ty sa thải đối với bà Xiong B. Đồng thời, như đã phân tích tại mục [5] và [6] nêu trên, có căn cứ xác định: Bà Xiong B đã tự ý đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động với Công ty kể từ ngày 30/11/2015 cho đến nay. Bản án sơ thẩm xác định Công ty đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động với bà Xiong B là không có căn cứ, nên kháng cáo của Công ty là có cơ sở chấp nhận.

[8] Xét yêu cầu kháng cáo của người đại diện hợp pháp cho nguyên đơn đưa ra, nhận thấy: Theo Hợp đồng lao động ngày 01/01/2013 giữa bà Xiong B với Công ty xác định: “*Tổng cộng tiền lương mỗi tháng*” của bà Xiong B là 6.120 (MRB). “*Tiền lương bao gồm các khoản sau: Lương cơ bản RMB 811; phụ cấp chức vụ RMB 63; phụ cấp chuyên gia RMB 2392; phụ cấp khác RMB 2854*” (bút lục 12). Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xác định tiền lương của bà Xiong B là 6.120 MRB x tỉ giá tại thời điểm xét xử là 3.475 đồng/1 MRB, tương đương 21.267.000 đồng/tháng là có căn cứ. Việc người đại diện hợp pháp của nguyên đơn kháng cáo cho rằng: Mức lương thực lãnh của bà Xiong B là 1.577 USD/tháng, tương ứng 33.000.000 đồng/tháng, nhưng ngoài danh sách liệt kê các mục: “*Lương được trả, số tiền phụ cấp, số tiền thực lãnh, phương thức thanh toán, chữ ký cơ quan*” theo đơn vị tính “*US\$*” không ghi rõ ngày tháng năm, thì nguyên đơn không xuất trình được chứng cứ nào khác để chứng minh; bị đơn không thừa nhận nên kháng cáo của nguyên đơn là không có căn cứ.

[9] Xét thấy: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm có vi phạm thủ tục tố tụng, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không sử dụng các tài liệu, chứng cứ vi phạm để làm căn cứ cho việc giải quyết vụ án. Mặt khác, bà Xiong B và những người làm chứng là các chuyên gia nước ngoài hiện không còn làm việc tại Công ty nên việc tiến hành đối chất là không thể thực hiện được. Vì vậy, việc hủy án để đối chất chỉ kéo dài thêm thời gian giải quyết vụ án, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các bên đương sự nên Tòa án cấp phúc thẩm chỉ nhắc nhở để rút kinh nghiệm.

[10] Từ những phân tích và lập luận nêu trên, có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Công ty, chấp nhận ý kiến của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn đưa ra, sửa bản án sơ thẩm theo hướng: Đình chỉ xét xử đối với yêu

cầu của bà Xiong B về việc buộc Công ty thanh toán tiền bảo hiểm y tế từ ngày 05/11/2015 đến ngày 05/01/2016 là 8.800.000 đồng; bồi thường thiệt hại tổn thất về tinh thần, danh dự, uy tín bị xâm phạm là 99.000.000 đồng; thanh toán tiền lương tăng ca trong 08 năm với số tiền 1.820.880.000 đồng. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Xiong B đối với Công ty về việc “*tranh chấp đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động*”. Ghi nhận việc Công ty đồng ý trả cho bà Xiong B các khoản, gồm: Tiền trợ cấp thôi việc 08 năm x ½ tháng lương x 21.267.000 đồng/tháng = 85.068.000 đồng; trả tiền 06 ngày nghỉ phép còn lại của năm 2015 là 21.267.000 đồng/tháng : 26 ngày x 06 ngày = 4.908.000 đồng; trả tiền lương tháng 10 năm 2015 còn nợ là 21.267.000 đồng + tiền lãi do chậm trả lương tháng 10 năm 2015 x mức lãi suất huy động tiền gửi của ngân hàng tại thời điểm xét xử là 6,8%/năm = 2.303.000 đồng. Tổng cộng là: 113.546.000 đồng. Ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương về việc sửa một phần bản án sơ thẩm đối với yêu cầu bồi thường vi phạm về thời gian báo trước là chưa phù hợp. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo đã phát sinh hiệu lực.

[11] Về án phí lao động sơ thẩm: Công ty phải chịu 3% của số tiền 113.546.000 đồng theo quy định của pháp luật. Bà Xiong B được miễn theo quy định.

[12] Án phí lao động phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo của Công ty được Hội đồng xét xử chấp nhận nên Công ty không phải chịu.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Phạm Minh T là người đại diện hợp pháp cho nguyên đơn bà Xiong B.

2. Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn Công ty TNHH CH. Sửa Bản án số 44/2018/LĐ-ST ngày 18/12/2018 của Tòa án nhân dân thị xã TU, tỉnh Bình Dương như sau:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 148, Điều 161, Điều 244 và Điều 293 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 15, 41, 43, 90, 96 của Bộ luật Lao động và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

2.1. Đình chỉ đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của bà Xiong B về việc: Buộc Công ty TNHH CH thanh toán tiền bảo hiểm y tế từ ngày 05/11/2015 đến ngày 05/01/2016 là 8.800.000 đồng; bồi thường thiệt hại do tổn thất về tinh thần, danh dự, uy tín bị xâm phạm số tiền 99.000.000 đồng; thanh toán tiền lương tăng ca trong 08 năm với số tiền 1.820.880.000 đồng.

2.2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Xiong B đối với Công ty TNHH CH về việc “*tranh chấp đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động*”.

2.3. Ghi nhận việc Công ty TNHH CH đồng ý thanh toán cho bà Xiong B các khoản gồm: Tiền trợ cấp thôi việc 08 năm là 85.068.000 đồng; trả tiền 06 ngày nghỉ phép còn lại của năm 2015 là 4.908.000 đồng; trả tiền lương tháng 10 năm 2015 còn nợ là 21.267.000 đồng và tiền lãi do chậm trả lương tháng 10 năm 2015 là 2.303.000 đồng. Tổng cộng là: 113.546.000 đồng.

*Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thi hành án thì ngoài số tiền phải thi hành án, còn phải chịu lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.*

2.4. Chi phí giám định: Công ty TNHH CH phải chịu 600.000 đồng (sáu trăm nghìn đồng), Công ty đã thực hiện xong.

2.5. Về án phí lao động sơ thẩm:

Bà Xiong B được miễn theo quy định.

Công ty TNHH CH phải chịu 3.406.380 đồng (ba triệu bốn trăm lẻ sáu nghìn ba trăm tám mươi đồng) án phí lao động sơ thẩm.

3. Án phí lao động phúc thẩm:

Bà Xiong B được miễn theo quy định.

Công ty TNHH CH không phải chịu. Chi cục Thi hành án dân sự thị xã TU hoàn trả lại cho Công ty TNHH CH số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0014696 ngày 09/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã TU.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án được thực hiện theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.*

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án./.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Bình Dương;
- TAND thị xã TU;
- Chi cục THADS thị xã TU;
- Các đương sự;
- Lưu: Tổ HCTP, Tòa LD, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
Nguyễn Đắc Cường  
(Đã ký)**